


**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM  
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT KHU VỰC 1**

<b>TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM BAN QLKCHT ĐƯỜNG SẮT</b>	
<b>THẨM ĐỊNH</b>	
ĐT được TD theo Văn bản số: 316/TĐ-QLHT	
Ngày: 04 tháng 8 năm 2025	
Người thẩm định: Đỗ Thị Quỳnh Chi	
Chức vụ: CV	
Ký tên: 	

**NHIỆM VỤ  
KHẢO SÁT, THIẾT KẾ VÀ DỰ TOÁN  
BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Công trình:**

**Sửa chữa đường sắt đoạn từ Km761+000 - Km765+000,  
tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh**

*(Hoàn thiện theo Báo cáo thẩm định số 316/TĐ-QLHT ngày 04/8/2025  
của Ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt)*

Hà Nội, năm 2025

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT KHU VỰC 1**

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM  
BAN QLKẾT ĐƯỜNG SẮT

**THẨM ĐỊNH**

Đã được TD theo Văn bản số: 316/TĐ-QLHT  
Ngày: 04...tháng...8...năm 2025  
Người thẩm định: Đỗ Thị Quỳnh Chi  
Chức vụ: CV  
Họ tên: [Chữ ký]

**NHIỆM VỤ**  
**KHẢO SÁT, THIẾT KẾ VÀ DỰ TOÁN**  
**BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT**


**Công trình:**

**Sửa chữa đường sắt đoạn từ Km761+000 - Km765+000,  
tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh**

*(Hoàn thiện theo Báo cáo thẩm định số 316/TĐ-QLHT ngày 04/8/2025  
của Ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt)*

Hà Nội, năm 2025



TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM  
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT KHU VỰC 1

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM BAN QLKCHT ĐƯỜNG SẮT
<b>THẨM ĐỊNH</b>
DT được TB theo Văn bản số: 3161/TA-QLMT
Ngày: 04...tháng...8...năm 20.25.....
Người thẩm định: Đ. T. K. Quỳnh Chi.
Chức vụ: CV
Ký tên: 

**NHIỆM VỤ**  
**KHẢO SÁT, THIẾT KẾ VÀ DỰ TOÁN**  
**BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT**

Công trình:

Sửa chữa đường sắt đoạn từ Km761+000 - Km765+000,  
tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh

Chủ trì lập nhiệm vụ: Hoàng Quốc Dương   
CCHN Khảo sát xây dựng, khảo sát địa hình hạng II số: HNT-00117835  
Chủ trì dự toán: Dương Chí Dũng   
CCHN định giá xây dựng Hạng II số: KTE-00170689

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN  
ĐƯỜNG SẮT KHU VỰC 1  
GIÁM ĐỐC 



**Đặng Minh Tiến**

## MỤC LỤC

<b>A - GIỚI THIỆU CHUNG</b> .....	1
1. Căn cứ lập nhiệm vụ: .....	1
2. Tên dự án: .....	2
3. Địa điểm xây dựng: .....	2
4. Chủ đầu tư: .....	2
5. Sự cần thiết phải đầu tư: .....	2
6. Mục tiêu đầu tư: .....	2
7. Nguồn vốn đầu tư và thời gian thực hiện: .....	2
<b>B - NHIỆM VỤ KHẢO SÁT XÂY DỰNG</b> .....	3
1. Mục đích khảo sát xây dựng: .....	3
2. Phạm vi khảo sát xây dựng: .....	3
3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khảo sát xây dựng: .....	3
4. Nội dung công tác khảo sát: .....	3
5. Thời gian thực hiện khảo sát xây dựng:.....	7
<b>C - NHIỆM VỤ THIẾT KẾ - LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT</b> .....	8
1. Mục tiêu xây dựng công trình:.....	8
2. Địa điểm xây dựng công trình:.....	8
3. Các yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc công trình: .....	8
4. Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng:.....	8
5. Các yêu cầu về quy mô và thời hạn sử dụng công trình, công năng sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật khác đòi hỏi với công trình: .....	9
6. Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật:.....	10
7. Thời gian thực hiện .....	10
<b>D - DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b> .....	11
1. Căn cứ lập dự toán:.....	11
2. Dự toán:.....	11

**NHIỆM VỤ KHẢO SÁT, THIẾT KẾ VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ  
CÁC CÔNG VIỆC GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN  
BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**CÔNG TRÌNH:**

**SỬA CHỮA ĐƯỜNG SẮT ĐOẠN TỪ KM761+000 - KM765+000,  
TUYẾN ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI - TP. HỒ CHÍ MINH**

**A - GIỚI THIỆU CHUNG**

**1. Căn cứ lập nhiệm vụ:**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 ngày 27/6/2025;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 06/2025/TT-BXD ngày 12/5/2025 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;
- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 02/2025/TT-BXD ngày 31/3/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024, 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Quyết định số 252/QĐ-BGTVT ngày 26/02/2025 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2025 (lần 1); Quyết định số 300/QĐ-BGTVT ngày 28/02/2025 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 - Hoạt động kinh tế đường sắt;
- Quyết định số 111/QĐ-ĐS ngày 22/01/2025 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án, giám sát khảo sát, giám sát thi công xây dựng, kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành các công trình sửa chữa định kỳ; kiểm định và các công tác khác; công trình khắc phục hậu quả bão lũ bước 2 và sửa chữa đột xuất trong kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2025;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

## 2. Tên công trình:

- Sửa chữa đường sắt đoạn từ Km761+000 - Km765+000, tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh.

## 3. Địa điểm xây dựng:

- Đoạn tuyến đường sắt Km761+000 - Km765+000, tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế.

## 4. Chủ đầu tư:

- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

## 5. Sự cần thiết phải đầu tư:

- Hiện tại đoạn tuyến Km761+000 - Km765+000, tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh có tốc độ chạy tàu là 30km/h (Công lệnh tốc độ số: 01-CĐ-2023 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam). Đoạn tuyến trên hiện tại không nâng được tốc độ chạy tàu do trạng thái kiến trúc tầng trên hiện tại đã bị xuống cấp, chủ yếu đặt ray P43-L=12,5m đã mòn, tật nhiều, lắp đặt trên các thanh tà vẹt sắt và TN1, tà vẹt gỗ xen kẽ (phần lớn là tà vẹt sắt), nền đá cốt cứng. Cụ thể:

+ Trên đoạn tuyến chủ yếu đặt ray P43, L=12,5m phần lớn ray sử dụng tròn thời gian dài xuất hiện tình trạng khuyết tật, má ray mòn, mặt lăn mòn, gợn sóng;

+ Hiện tại trên tuyến chủ yếu đặt tà vẹt sắt, các thanh tà vẹt này đã bị gãy, hỏng không đảm bảo theo quy định của tiêu chuẩn TCCS 07:2022/VNRA và một số thanh tà vẹt bê tông dự ứng TN1 bị khuyết tật không đảm bảo theo quy định của tiêu chuẩn TCCS 07:2022/VNRA, dẫn đến liên kết giữa ray và tà vẹt không ổn định gây ảnh hưởng lớn đến tốc độ, an toàn chạy tàu và đẩy nhanh quá trình mài mòn, hư hại của ray;

+ Nền đá ba lát sử dụng lâu năm không đảm bảo tiêu chuẩn: Chiều rộng đá ba lát không đảm bảo kích thước hình học; Đá ba lát xuất hiện tròn cạnh, vỡ nát, mất độ đàn hồi. Khả năng thoát nước qua nền đá thấp do bẩn, lẫn bùn đất có kết gây nguy cơ phụt bùn nền đường sắt.

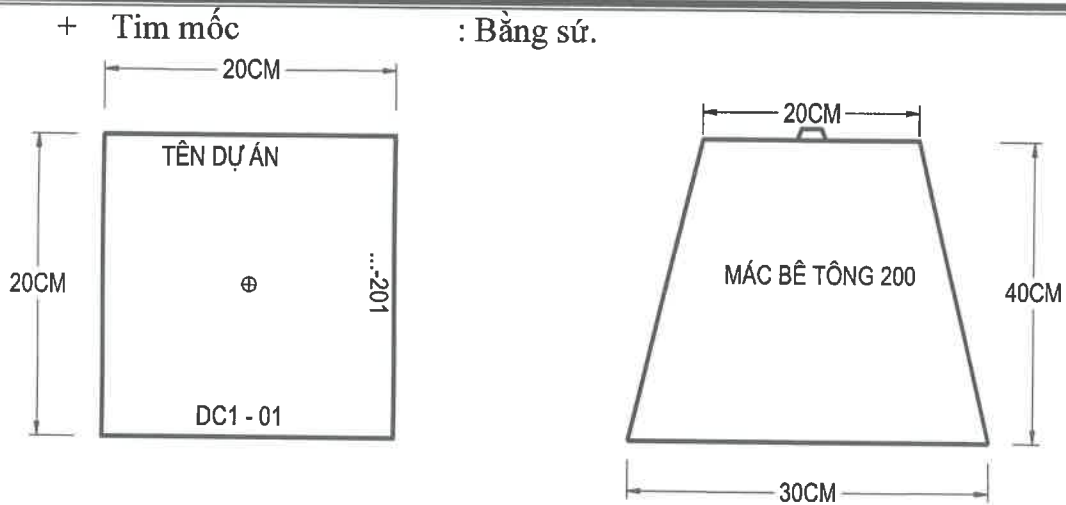
- Vì vậy, việc Sửa chữa đường sắt đoạn từ Km761+000 - Km765+000, tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo an toàn và nâng cao tốc độ chạy tàu, góp phần cải thiện chất lượng phục vụ và năng lực vận tải đường sắt qua đoạn tuyến là hết sức cần thiết.

## 6. Mục tiêu đầu tư:

- Nâng cao chất lượng công trình, khắc phục những hư hỏng trong quá trình khai thác, đảm bảo việc duy trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thường xuyên, liên tục nhằm đảm bảo an toàn khai thác vận tải đường sắt.

## 7. Nguồn vốn đầu tư và thời gian thực hiện:

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động kinh tế đường sắt (Theo Quyết định giao dự toán bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia của Bộ GTVT).
- Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2027 (Theo Quyết định phê duyệt kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia của Bộ GTVT).



- Khối lượng dự kiến: 12 mốc.
- Lưới cao độ kỹ thuật:
  - + Lưới cao độ kỹ thuật được đo bằng máy thủy bình có độ chính xác đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.
  - + Sử dụng hệ thống mốc đường chuyên cấp 2 còn lại của dự án: “Lập lại trật tự hành lang an toàn trên các tuyến đường sắt theo quyết định 1856 của Thủ tướng chính phủ” và các đường chuyên cấp 2 được khôi phục (nếu có), lập lại lưới cao độ kỹ thuật bằng phương pháp đo cao hình học, sai số đo đạc khép giữa các mốc được tính bằng: Sai số khép  $f_h \leq \pm 30\sqrt{L}$  mm (L là đường dẫn độ cao được tính bằng Km).

#### b) Đo cự ly, lý trình:

- Góc lý trình: Dẫn từ cọc Km quản lý gần nhất tại hiện trường để đo đạc cho toàn bộ công trình.
- Các điểm phải xác định lý trình: tại lý trình (+000, +025, +050, +075, +100, cọc Km;...); các cọc tìm ghi; tìm ga; các cọc chủ yếu đường cong (NĐ, TĐ, PG, TC, NC) trên đường chính tuyến (nếu có), (TĐ, PG, TC) trên các đường ga; các vị trí thay đổi địa hình; tìm cầu, mố, trụ cầu; tìm cống; tìm đường ngang; hầm chui; giao cắt đường điện và các giao cắt khác (nếu có)...

#### c) Đo vẽ trắc dọc đường sắt:

- Tỷ lệ đo vẽ: Dài: 1/1000; cao: 1/100.
- Phạm vi đo vẽ:
  - + Đường chính tuyến: Từ Km761+000 - Km765+000 và đo thêm mỗi đầu 200m để phục vụ nâng chèn vuốt dốc, trường hợp gặp đường cong phải đo hết phạm vi đường cong;
  - + Đường ga - ga Hải Vân Bắc: Đường ga số 01 từ tìm ghi N2 trở về phía Hà Nội 200m để phục vụ nâng chèn vuốt dốc.
- Đi cao đạc chi tiết đỉnh ray tại các điểm có viết sơn ghi lý trình tại mục “b. Đo cự ly, lý trình”, các điểm thay đổi địa hình thiên nhiên, các điểm khống chế, các vị trí đường ngang, cầu cống, giao cắt dây điện, giao cắt dây thông tin đường sắt...
- Cao độ: Là cao độ đỉnh ray trái (trên đường thẳng) hoặc cao độ đỉnh ray bụng (trên đường cong). Cao độ phải đi 2 lần, sai số giữa các lần đo nằm trong sai số cho phép.
- Khối lượng dự kiến:  $(765000-761000+200 \times 2+200)/1000=4,60$ km.

#### d) Đo vẽ trắc ngang đường sắt:

- Tỷ lệ đo vẽ: 1/200.

- Phạm vi đo vẽ:

- + Theo phương dọc tuyến: Đo vẽ trắc ngang đường sắt tại các điểm lý trình chẵn 25m/1 điểm và các điểm đo chi tiết đã được xác định trên trắc dọc, đảm bảo cự ly tối đa giữa các trắc ngang là 25m.
- + Theo phương ngang tuyến: Đối với nền đường đào, nền đường đắp: Từ chân taluy đường đắp hoặc đỉnh taluy nền đào ra mỗi bên 5m; Đối với nền đường không đào, không đắp: Từ mép ray ngoài cùng hoặc mép rãnh biên ra mỗi bên 5m.
- Trắc ngang phải thể hiện rõ địa hình, địa vật, các công trình đặc biệt, các điểm thay đổi địa hình, tìm các đường (nếu có), đỉnh rãnh, đáy rãnh ... và thể hiện ghi chú các công trình có liên quan trong phạm vi khảo sát (cáp quang, rãnh ngầm, ...).
- Khối lượng dự kiến:  $(4000/25+1+30 \times 5) \times 15/1000 = 4,65 \text{ km}$  (đoạn tuyến có 30 đường cong; đo vẽ trắc ngang từ tìm đường sắt ra mỗi bên khoảng 7,5m).

e) **Khảo sát cầu:**

- Đo vẽ, điều tra chi tiết bố trí chung toàn cầu, trên bố trí chung phải thể hiện đủ: chiều dài toàn cầu, chiều dài nhịp, khoảng cách giữa các nhịp, khoảng cách giữa các dầm dọc, dầm ngang, ray chính, ray hộ bánh, ray gờ, khoảng cách giữa các ray, bố trí tà vẹt trên cầu, chi tiết liên kết ray với tà vẹt, liên kết tà vẹt với dầm, cao độ đỉnh ray, đỉnh dầm... phục vụ công tác cải tạo hệ mặt cầu;
- Dầm cầu: Đo vẽ hình dạng, kích thước chính của dầm; Đo vẽ kích thước, tiết diện các thanh dàn chủ của dầm (dầm dọc, dầm ngang, thanh đứng, thanh xiên, thanh biên trên,...); Đánh giá tổng thể mức độ hư hỏng và xác định vị trí nứt của dầm (nếu có); Điều tra hư hỏng của mặt cầu đường sắt.
- Khối lượng dự kiến:  $7 \text{ cầu} \times 1 \text{ công}/1 \text{ cầu} = 7 \text{ công}$ .

f) **Khảo sát cống:**

- Đo vẽ chi tiết trắc dọc cống, chi tiết tường đầu, tường cánh, cửa cống của toàn bộ các cống thoát nước (vật liệu, cao độ: cống, tường đầu, tường cánh; cao độ tường đầu cống).
- Khối lượng dự kiến:  $25 \text{ cống} \times 1 \text{ công}/2 \text{ cống} = 13 \text{ công}$ .

**4.2. Điều tra, khảo sát:**

a) **Điều tra kiến trúc tầng trên đường sắt:**

- Điều tra ray: Điều tra, đánh giá về chủng loại, số lượng thanh ray hư hỏng, khuyết tật, số lượng thanh ray còn sử dụng được, tình trạng hư hỏng, khuyết tật của các thanh ray hiện tại theo các quy định của tiêu chuẩn TCCS 07:2022/VNRA.
- Điều tra ghi:
  - + Điều tra đo vẽ kích thước hình học của nền đá ba lát của các bộ ghi theo các nội dung: Bề rộng mặt và bề rộng chân đá ba lát, chiều dày nền đá ba lát.
  - + Điều tra chi tiết các bộ ghi:
    - ✓ Điều tra loại ghi và loại ray, số ghi, chiều dài ghi, loại máy bẻ ghi, nhà gác ghi, lý trình tìm ghi, theo biểu D7 của TCCS 01:2011/VNRA về công tác khảo sát đường sắt;
    - ✓ Đánh giá chất lượng của ghi theo biểu 17 điều 68 và điều 69 của TCCS 01:2011/VNRA về công tác khảo sát đường sắt;
    - ✓ Điều tra liên kết trong ghi, độ mòn ray ghi, tà vẹt ghi;
    - ✓ Thiết bị chống xô trong ghi.

- Điều tra tà vẹt: Điều tra, đánh giá về chủng loại tà vẹt và phụ kiện đồng bộ, phân loại dùng được hoặc khuyết tật theo các quy định tại tiêu chuẩn TCCS 07:2022/VNRA.
- Điều tra phụ kiện: Điều tra, đánh giá về chủng loại, số lượng, chất lượng phụ kiện nối giữ ray với ray, ray với tà vẹt và phải thống kê phân loại tốt xấu.
- Điều tra đá ba lát: Điều tra, đánh giá về kích thước nền đá, chiều dày, tỷ lệ đá ba lát sử dụng lại.
- Điều tra nền đường: Điều tra, đánh giá phạm vi nền đường hư hỏng (phọt bùn, túi đá, các hiện tượng đặc biệt khác...); rãnh xương cá, rãnh ngang... (nếu có).
- Điều tra biển báo, cọc báo: Điều tra, đánh giá về hệ thống cọc báo, biển báo, kết quả điều tra phải được thống kê cho từng loại, số lượng còn tốt và hư hỏng.
- Điều tra các vị trí đường dây điện, dây TTTH giao cắt với đường sắt: Điều tra, khảo sát về lý trình và cao độ đỉnh ray hiện có tại các vị trí đường dây điện, dây TTTH cắt qua đường sắt, cao độ tĩnh không hiện tại từ đỉnh ray đến dây điện, dây TTTH thấp nhất.
- Điều tra, khảo sát về cáp quang và các công trình ngầm khác trong phạm vi khảo sát (nếu có).
- Khối lượng dự kiến:  $4,60\text{km} \times 02 \text{ công/Km} = 09 \text{ công}$

**b) Công tác điều tra, thu thập các số liệu liên quan:**

- Điều tra thu thập số liệu các công trình liên quan; khảo sát bãi đổ thải:
  - + Điều tra thu thập số liệu hồ sơ công trình liên quan (nếu có)...
  - + Điều tra công trình ngầm, mương máng thủy lợi và các công trình xây dựng khác (nếu có) yêu cầu mô tả vị trí, kiểu dạng, đặc điểm hoạt động, quy mô xây dựng...
  - + Khảo sát bãi đổ đất thải: Điều tra các vị trí có thể đổ vật liệu thải trong thi công (có xác nhận của địa phương), xác định vị trí trên bản đồ, điều kiện vận chuyển, cự ly đến công trình, khối lượng vật liệu thải có thể đổ...

- Khối lượng dự kiến: 03 công.

**4.3. Khối lượng khảo sát dự kiến:**

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG KHẢO SÁT DỰ KIẾN**

Stt	Hạng mục khối lượng	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Khảo sát địa hình</b>			
1	Kiểm tra, khôi phục đường chuyên cấp 2	Mốc	12	
2	Đo vẽ trắc dọc đường sắt, trên cạn, địa hình cấp III (tuyến cũ)	Km	4,60	
3	Đo vẽ trắc ngang đường sắt, trên cạn, địa hình cấp III	Km	4,65	
4	Khảo sát cầu	Công	7,00	
5	Khảo sát cống	Công	13,00	
<b>II</b>	<b>Điều tra, khảo sát</b>			
1	Điều tra kiến trúc tầng trên đường sắt	Công	9,00	
2	Công tác điều tra, thu thập các số liệu liên quan, điều tra khảo sát bãi đổ thải và các công trình xây dựng khác...	Công	3,00	

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM  
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT  
 HÀ NỘI  
 01 được 10 theo Văn bản số: 311/17Đ-QĐTT  
 Ngày: 04 tháng 8 năm 2025  
 Người thẩm định: Vũ Mạnh Hòa  
 (Chữ ký)

**4.4. Chi phí dự toán khảo sát: 225.408.693 đồng.**

**4.5. Lý trình - Cao độ:**

**a) Lý trình:**

- Dẫn từ cọc Km gần nhất tại hiện trường để đo đạc cho toàn bộ công trình.

**b) Cao độ:**

- Sử dụng hệ thống đường chuyền cấp 2 còn lại của Dự án: “Lập lại trật tự hành lang an toàn trên các tuyến đường sắt theo quyết định 1856 của Thủ tướng chính phủ” và các đường chuyền được khôi phục (nếu có) để đo đạc cho toàn tuyến.

**4.6. Hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng:**

- Báo cáo kết quả khảo sát tuân thủ theo Điều 33 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.
- Tập bản vẽ kết quả khảo sát:
  - + Trắc dọc đường sắt: Tỷ lệ cao 1/100, 1/1000;
  - + Trắc ngang đường sắt: Tỷ lệ 1/200;
  - + Các bản vẽ khác có liên quan: Tỷ lệ từ 1/10 đến 1/500.
- Bảng biểu điều tra; phụ lục kèm theo (nếu có).
- Quy cách hồ sơ: Quy định rõ quy cách, thành phần hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo đúng quy định.
- Số lượng: Theo quy định của Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu.

**5. Thời gian thực hiện khảo sát xây dựng:**

- Thời gian thực hiện công tác khảo sát hiện trường và lập hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát: 15 ngày.

## **C - NHIỆM VỤ THIẾT KẾ - LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT**

### **1. Mục tiêu xây dựng công trình:**

- Nâng cao chất lượng công trình, khắc phục những hư hỏng trong quá trình khai thác, đảm bảo việc duy trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thường xuyên, liên tục nhằm đảm bảo an toàn khai thác vận tải đường sắt.

### **2. Địa điểm xây dựng công trình:**

- Đoạn tuyến đường sắt Km761+000 - Km765+000, tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh thuộc địa phận Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế.

### **3. Các yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc công trình:**

- Phù hợp với quy hoạch phát triển GTVT đường sắt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Phù hợp với kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2025 đã được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 252/QĐ-BGTVT ngày 26/02/2025.

### **4. Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng:**

- QCVN 08:2018/BGTVT Quy chuẩn Quốc gia về khai thác Đường sắt;
- QCVN 06:2018/BGTVT Quy chuẩn Quốc gia về tín hiệu giao thông đường sắt;
- TCVN 8893:2020 Quy chuẩn Quốc gia về cấp kỹ thuật đường sắt;
- TCVN 11793:2017 Đường sắt khổ 1000mm - Yêu cầu thiết kế tuyến;
- TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7570:2006 Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 7572:2006 Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa - Phương pháp thử;
- TCVN 4506:2012 Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 2682:2020 Xi măng Pooc lăng;
- TCVN 1651-1:2018 Thép cốt bê tông - Phần 1: Thép thanh tròn trơn;
- TCVN 1651-2:2018 Thép cốt bê tông - Phần 2: Thép thanh vằn;
- TCCS 01:2009/VNRA Thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình thông tin tín hiệu đường sắt;
- TCCS 01:2013/VNRA Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu nền đường sắt;
- TCCS 01:2025/VNRA Tà vệt sợi tổng hợp - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- TCCS 02:2009/VNRA Tiêu chuẩn nghiệm thu kiến trúc tầng trên đường sắt (phần đại tu và xây dựng mới);
- TCCS 03:2022/VNRA Tiêu chuẩn nghiệm thu kiến trúc tầng trên đường sắt (phần duy tu và bảo quản);
- TCCS 04:2022/VNRA Tiêu chuẩn cơ sở vật tư, vật liệu, phụ kiện sử dụng trong công tác bảo trì đường sắt;
- TCCS 07:2022/VNRA Tiêu chuẩn cơ sở bảo trì công trình đường sắt thường (Bảo trì và nghiệm thu sản phẩm);
- TCCS 08:2022/VNRA Tiêu chuẩn cơ sở bảo trì công trình thông tin đường sắt (bảo trì và nghiệm thu sản phẩm);

- TCCS 09:2022/VNRA Tiêu chuẩn cơ sở bảo trì công trình tín hiệu đường sắt (bảo trì và nghiệm thu sản phẩm);
- TCCS 10:2022/VNRA Tiêu chuẩn vật tư, vật liệu, thiết bị, linh kiện sử dụng trong công tác bảo trì công trình Thông tin tín hiệu đường sắt;
- Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29/9/2023 Quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho ĐS;
- Quy trình chạy tàu và công tác dồn đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành theo Quyết định số 893/QĐ-ĐS ngày 09/7/2018;
- Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng Đường sắt của Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Quyết định số 2320/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015;
- Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

## **5. Các yêu cầu về quy mô và thời hạn sử dụng công trình, công năng sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật khác đối với công trình:**

### **5.1 Loại, cấp công trình:**

- Loại công trình: Công trình giao thông đường sắt (theo Mục IV, Phụ lục I - Nghị định 06/2021/NĐ-CP).
- Cấp công trình: Cấp III (theo Bảng 1.4, Phụ lục I - Thông tư 06/2021/TT-BXD).

### **5.2 Quy mô đầu tư xây dựng:**

- Sửa chữa, cải tạo KTTT đường sắt, thay thế ray, tà vẹt cũ bằng ray mới, tà vẹt mới theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành;
- Cải tạo, sửa chữa các công trình liên quan cho đồng bộ: Thông tin, tín hiệu, nền đường, rãnh thoát nước,...

### **5.3 Thời hạn sử dụng công trình:**

- Công trình sử dụng lâu dài.

### **5.4 Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật:**

#### **5.4.1. Nội dung hồ sơ:**

- Nội dung hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình tuân thủ theo đúng quy định Điều 55 Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Điều 40 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

#### **5.4.2. Quy cách hồ sơ:**

- Quy cách hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật tuân thủ theo Điều 37 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

#### **a) Hồ sơ giao nộp:**

- Thuyết minh (Đóng quyển A4);
- Thiết kế bản vẽ thi công (Đóng quyển A3);
- Bảng tính (đóng quyển A4);
- Chỉ dẫn kỹ thuật (Đóng quyển A4);
- Tổng mức đầu tư xây dựng công trình (Đóng quyển A4).

b) Số lượng hồ sơ giao nộp: Theo hợp đồng.

**6. Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật:**

- Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: 1.011.299.344 đồng

**7. Thời gian thực hiện:**

- Thời gian thực hiện lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật là: 30 ngày.

- Tổng thời gian thực hiện công tác khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật là: 35 ngày.

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (ngày)		Ghi chú
		15	20	
1	Khảo sát hiện trường và lập Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng			15 ngày
2	Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật			30 ngày
3	Tổng cộng	35 ngày		